

Bản án số: 09/2018/HSST
Ngày: 13/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà H' Uyên A Yun

2. Ông Y Phim A Yun

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Xuân Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2018/HSST, ngày 06 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức Ng, sinh ngày 04/5/1948; tại: Tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 5/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đức N (đã chết) và bà Trần Thị G (đã chết); có vợ Lê Thị S và có 05 người con, con lớn nhất sinh năm 1976 và con nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo pháp luật ông Trần Phú H – Chức vụ: Giám đốc – vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1959; Trú tại: Thôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

2. Anh Lê Hữu Th, sinh năm 1973; Trú tại: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

3. Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1956; Trú tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

4. Anh Đỗ Đình Th, sinh năm 1974; Trú tại: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

5. Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1958; Trú tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

6. Anh AĐrong Y Kh, sinh năm 1968; Trú tại: Buôn Tr, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

- Những người làm chứng:

1. Ông Hồ Tri L. Trú tại: Số H, ngõ X, Phố N, Quận Đ, Hà Nội – vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Viết Ph. Trú tại: Thôn N, xã ĐQ, huyện ĐQ, tỉnh Thanh Hóa – vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn Th. Trú tại: Thôn V, xã ĐV, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa – vắng mặt.

4. Ông Hoàng Đình Ch. Trú tại: Thôn V, xã ĐV, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa – vắng mặt.

5. Ông Lê Duy Th. Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa – vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

7. Bà Lê Thị S. Trú tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2009, Nguyễn Đức Ng biết được thông tin về việc làm hồ sơ thương binh để hưởng chế độ trợ cấp của Nhà nước. Nguyễn Đức Ng đã nhờ một người tên Nguyễn Văn B (đã chết vào năm 2014) làm Quyết định phục viên và Giấy chứng nhận bị thương. Sau khi có Quyết định phục viên do Trung tá Đào ph ký và Giấy chứng nhận bị thương do do Trung tá Nguyễn K ký, thì bị cáo đến Ban chính sách Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk hỏi về thủ tục thiết lập hồ sơ thương binh. Tại đây, bị cáo được một cán bộ của Ban chính sách đưa các thủ tục và hướng dẫn về làm hồ sơ thương binh. Sau đó bị cáo về tại xã E làm hồ sơ theo hướng dẫn, sau khi làm xong bị cáo mang hồ sơ lên nộp tại Ban chính sách. Tại biên bản giám định thương tật số 19.277/GĐYK ngày 24/4/2013 của Hội đồng giám định y khoa Quân khu 5 kết luận Nguyễn Đức Ng tỷ lệ suy giảm khả năng lao động là 33% vĩnh viễn. Đến ngày 25/5/2013 Bộ tư lệnh Quân khu 5 quyết định về việc cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp thương binh cho Nguyễn Đức Ng và được hưởng trợ cấp từ ngày 01/5/2013 trở đi. Trong khoảng thời gian từ ngày 01/5/2013 đến tháng 02/2015, Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện E đã chi trả cho Nguyễn Đức Ng tiền trợ cấp hàng tháng tổng cộng 43.020.000 đồng.

Tại công văn số: 153/ĐTHS ngày 27/12/2016, của Cơ quan điều tra hình sự Tổng cục II, về việc trả lời kết quả ủy thác điều tra, đã xác định: Tại Tổng cục II - Bộ Quốc phòng được thành lập theo quyết định số 335/HDBT, ngày 18/9/1992. Trước đó tiền thân của Tổng cục II-Bộ quốc phòng là Cục nghiên cứu – Bộ tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam. Tên gọi của Tổng cục II – Quân đội nhân

dân Việt Nam (Theo mẫu dấu trong quyết định xuất ngũ của Nguyễn Đức Ng) là không có. Tổng cục II – Bộ quốc phòng từ trước đến nay trong tổ chức, biên chế không có đơn vị nào có phân hiệu đơn vị là trung đoàn 174 và cũng không có ai là tên Nguyễn Đức Ng. Tổng cục II – Bộ quốc phòng từ trước đến nay không có ai tên là Đào Ph cấp bậc Trung tá và cũng không có ai là Nguyễn K cấp bậc Trung tá, chức vụ phó Tổng cục trưởng. Vì vậy, Quyết định phục viên số 175/PV, ngày 25/8/1980 do Trung tá Nguyễn K - Phó Tổng cục trưởng ký và giấy chứng nhận bị thương số 106/CN, ngày 26/4/1970 do Trung tá Đào Ph ký, không phải là do Tổng cục II – Bộ quốc phòng ban hành.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Đức Ng tự nguyện trả lại toàn bộ số tiền 43.020.000 đồng đã chiếm đoạt cho Sở lao động - thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk.

Tại bản cáo trạng số 15/KSĐT-HS ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo truy tố bị cáo Nguyễn Đức Ng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận mình đã sử dụng Quyết định phục viên giả do Nguyễn Văn B xin giúp để thiết lập hồ sơ thương binh giả nhằm để hưởng chế độ trợ cấp thương binh của nhà nước không đúng quy định.

Kết quả tranh luận, Kiểm sát viên đưa ra các chứng cứ buộc tội; đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên giữ quyết định truy tố đối với bị cáo như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 139, các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt, bị cáo Nguyễn Đức Ng từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách bằng hai lần mức án đã tuyên.

- **Trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự. Chấp nhận việc Nguyễn Đức Ng đã tự nguyện giao trả số tiền đã chiếm đoạt là 43.020.000 đồng cho Sở Lao động – Thương Binh và xã hội tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự

không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức Ng khai nhận: Vì mục đích tư lợi cá nhân nên vào năm 2009, bị cáo đã có hành vi gian dối dùng quyết định phục viên giả do Nguyễn Văn B làm giúp để thiết lập hồ sơ thương binh giả nhằm hưởng chế độ trợ cấp của nhà nước không đúng quy định. Thông qua, hồ sơ thương binh giả, trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2013 đến tháng 02 năm 2015, Nguyễn Đức Ng đã chiếm đoạt của Nhà nước tổng cộng 43.020.000 đồng.

Như vậy, hành vi gian dối đưa ra các thông tin không có thực, làm hồ sơ thương binh giả để hưởng chế độ trợ cấp của nhà nước không đúng quy định nói trên của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ nhận thức, biết rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do hám lợi bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối làm giả hồ sơ thương binh để hưởng chế độ không đúng tiêu chuẩn, điều kiện được hưởng chính sách và chiếm đoạt tài sản của nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện chính sách đãi ngộ của Đảng, nhà nước đối với người có công, gây mất niềm tin của nhân dân đối với nhà nước. Vì vậy, phải có hình phạt tương xứng nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo đồng thời phát huy tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Xâm phạm tài sản nhà nước” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì đã bãi bỏ tình tiết tăng nặng nói trên. Do vậy, HĐXX không áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt; bị cáo là người có tuổi đời khá cao gần 70 tuổi, đồng thời trong quá trình tham gia công tác xã hội tại địa phương bị cáo được UBND xã E tặng nhiều giấy khen; vợ bị cáo là người có công cách mạng được tặng thưởng “Huân chương kháng chiến hạng ba”. Đây là

những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo mình dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng, răn đe đối với bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn B đã có hành vi làm giả giấy chứng nhận bị thương cho Nguyễn Đức Nga, nhưng hiện nay anh Bảo đã chết nên không có căn cứ để xử lý.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Chấp nhận việc bị cáo đã hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 43.020.000 đồng cho Sở lao động – Thương binh và xã hội tỉnh Đắk Lắk.

[4]. *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức Ng, phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UB-TVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức Ng 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã Ea H’ Leo, huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Đức Ng đã hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 43.020.000 đồng cho Sở lao động – Thương binh và xã hội tỉnh Đắk Lắk.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức Ng phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án

hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Công an huyện Ea H'Leo;
- Cơ quan THAHS CA huyện Ea H'Leo;
- Cơ quan ANĐT - CA tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện E;
- Bị cáo;
- Sở LĐTB&XH tỉnh Đắk Lắk;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã E;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Long